

Số: /TB-TT&CN

Cao Bằng, ngày tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY
(Từ ngày 07 đến ngày 13 tháng 7 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ: Trung bình 27⁰C - Cao 33⁰C - Thấp 22⁰C

Ẩm độ: Trung bình 86%

Nhận xét: Trong tuần trời nắng, xen kẽ có ngày mưa rào, thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng phát triển. Sâu, bệnh phát sinh và gây hại nhẹ - trung bình.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng/Diện tích kế hoạch (ha)
Lúa mùa:		
- Lúa mùa sớm	Đẻ nhánh rộ	21.155,34/25.976 ha đạt 81,4% KH
- Lúa mùa chính vụ	Hồi xanh, đẻ nhánh	
- Lúa mùa muộn	Đang cấy	
Ngô hè thu	Tiếp tục gieo trồng	10.826,2/14.007 ha đạt 77,3% KH
Cây lạc xuân	chín	298,7/315,5 ha đạt 94,7% KH
Cây đỗ tương hè	Tiếp tục gieo trồng	514,2/2.057 ha đạt 25% KH
Lạc hè	Tiếp tục gieo trồng	318,6/1.593 ha đạt 20% KH
Cây mía:		
- Mía lưu gốc	- Vươn lóng	3.049,2/2.945,0 ha đạt 103,5%KH
- Mía trồng mới	- Đẻ nhánh - vươn lóng	
Cây sắn	Phát triển thân, củ	2.182,6/2.026,0 ha đạt 107,7%KH
Cây thạch đen	Phát triển thân lá	441,7/415,0 ha đạt 106,4% KH
Cây dong riềng	Phát triển củ	473,0/371,0 ha đạt 127,5% KH
Rau các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	2.546,8 ha
Cây ăn quả (cam, quýt)	Quả non	539,41 ha

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI 7 NGÀY

1. Lúa mùa chính vụ

- Ốc brou vàng: Mật độ phổ biến 1-2 con/m², cao 3-5 con/m² non+ TT, diện tích nhiễm 10,0 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Sâu cuốn lá nhỏ (Lúa 3): Mật độ phổ biến 5 - 7 con/m², cao 20 - 25 con/m² T1 - 2, diện tích nhiễm 2,0 ha. Năm 2021 mật độ thấp chưa đến nhiễm.

2. Mạ mùa muộn: Tỷ lệ hại phổ biến 1-2% lá, cao 5-10% lá C3-5, diện tích nhiễm 2,0 ha. Năm 2021 tỷ lệ hại thấp chưa đến nhiễm.

3. Cây ăn quả (cam, quýt):

- Sâu vẽ bùa: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 10% lá C1-3.

- Nhện đỏ: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2% quả.

- Rệp sáp: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 5% lá C1.

- Bệnh phấn trắng: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 3% cây.

- Bệnh muội đen: Tỷ lệ hại phổ biến 4 - 6% lá C1-3.

4. Cây mía

- Rệp: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 5% cây C1.

- Bọ trĩ: Tỷ lệ hại phổ biến 3 - 5% lá C1.

- Bệnh đốm bẹ lá: Tỷ lệ hại phổ biến 5 - 7% lá C3

- Bệnh gỉ sắt: Tỷ lệ hại phổ biến 2 - 4% lá C5

5. Cây trồng khác: Sâu bệnh phát sinh gây hại nhẹ.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI

1. Trên lúa mùa

* **Lúa mùa sớm và chính vụ:** Ốc brou vàng, sâu cuốn lá nhỏ... Tiếp tục gây hại.

* **Lúa mùa muộn:** Chú ý ốc brou vàng phát sinh gây hại.

2. Trên cây ăn quả (cam quýt): Sâu vẽ bùa, nhện đỏ, rệp sáp, bệnh phấn trắng... Tiếp tục gây hại.

3. Trên cây mía: Rệp, bọ trĩ, bệnh đốm bẹ lá, bệnh gỉ sắt... Tiếp tục gây hại.

4. Trên cây trồng khác: Sâu bệnh phát sinh gây hại nhẹ.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG

1. Trên lúa mùa (chính vụ)

- Ốc brou vàng: Sử dụng thuốc Click 75WP, Black Carp 750WP, HN Samole 700WP... Đẻ phun;

- Sâu cuốn lá nhỏ (Lúa 3): Sử dụng thuốc Akka 3.6EC, Azimex 40EC, Phumai 3.6EC... Để phun.

2. Trên cây ăn quả (cam quýt):

- Nhện đỏ, sâu vẽ bùa: Sử dụng thuốc Ababeter 1.8 EC, Abagold 38EC, Abagro1.8 EC... Để phun.

- Rệp sáp: Sử dụng thuốc Abasuper 1.8EC, Acimetin 1.8 EC... Để phun;

- Bệnh phấn trắng: Sử dụng thuốc Romexusa 2 SL, Dipy 750WP... Để phun.

3. Trên cỏ dại, rừng vầu: Tiếp tục kiểm tra khu vực giáp ranh có ổ dịch và khu vực đã tổ chức phun trừ. Sử dụng các loại thuốc Lufen extra 100EC, Neretox 18 SL, 95WP, Anvado 100SL... Để phun.

Chú ý: *Đọc kỹ hướng dẫn trên bao bì trước khi sử dụng thuốc.*

4. Trên các cây trồng khác:

Tiếp tục điều tra, theo dõi thường xuyên phát hiện sớm, dự tính, dự báo kịp thời các đối tượng gây hại cây trồng để chủ động phòng trừ./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (P. BVTV);
- TT BVTV Phía Bắc;
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hội Nông dân; Hội LHPNVN tỉnh;
- Lưu: VT, TTBVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Minh Thảo

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 07 đến ngày 13 tháng 7 năm 2022)

TT	Cây trồng	GDST cây trồng	Tên dịch hại	Phân bố	Mật độ (con/m ²) Tỉ lệ (%)		Diện tích nhiễm (ha)					DTN so với CKNT (ha)	DTPT (ha)	
					Phổ biến	Cao	Tổng	DT chưa PT kỳ trước	Nhẹ, TB	Nặng	Mật trắng			
1	Lúa mùa chính vụ	Tiếp tục cây-hồi xanh, đẽ nhánh	Ốc brou vàng	Tổng	1-2	3-5	10,0		10,0				-4,0	10,0
				Hòa An			5,0		5,0				5,0	
				Hà Quảng			5,0		5,0				5,0	
			Sâu cuốn lá nhỏ (Lúa 3)	Hạ Lang	5-7	20-25	2,0		2,0				+2,0	5,0
2	Mạ mùa muộn	5-6 lá, tuổi cây	Bệnh đạo ôn lá	Hòa An	1-2	5-10	2,0		2,0			+2,0	2,0	